

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ  
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0111089860**

**Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 06 năm 2025**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM  
SẠCH HỒNG HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG HA CLEAN FOOD PROCESSING  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HONG HA CLEAN FOOD PROCESSING CO.,LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Cụm 8, Thôn Tiên Tân, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 0975395146

Fax:

Email: honghafood2025@gmail.com

Website:

**3. Vốn điều lệ : 500.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: PHẠM THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/01/1977 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001177030113

Ngày cấp: 15/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt  
Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 17, ngõ 472, đường Hồng Hà, Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan  
Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHẠM THỊ THANH

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1977

Dân tộc: Kinh Ngày: 07-30-2025 Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001177030113

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về

Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 17, ngõ 472, đường Hồng Hà, Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Anh Đức



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Văn Sớm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

-----\*\*\*-----

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

(Số: 01012026/HĐNT/ THĂNGLONG -HONGHA)

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ban hành vào ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thương mại của Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào nhu cầu của mỗi bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026 tại Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà

**BÊN A (Bên bán): CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ**

Địa chỉ: Cụm 8, Thôn Tiên Tân, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0975386979

Mã số thuế : 0111089860

Người đại diện: Bà Phạm Thị Thanh

Chức vụ: Giám đốc

**Bên B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH RAU SẠCH THĂNG LONG**

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Văn Ngọc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0110405961

Điện thoại: 0989451413

Người đại diện: Mai Danh Hiệu

Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau thoả thuận ký kết Hợp đồng mua bán với các Điều khoản sau:

**Điều 1: Phạm vi và đối tượng của hợp đồng**

Bên A đồng ý bán cho Bên B và bên B đồng ý mua của bên A các sản phẩm làm từ hạt đỗ tương (đậu phụ,...) theo các điều kiện quy định tại hợp đồng này (“được gọi là Hàng Hóa”) với mục đích sử dụng để chế biến thực phẩm cho trường học và các bếp ăn.

Các sản phẩm thực phẩm do Bên A kinh doanh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, số lượng, chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn của bên B và phù hợp với các quy định pháp luật của Việt Nam.

**Điều 2: Giá cả và phương thức thanh toán.**

2.1. Giá cả: Giá cả được hai bên thống nhất và ổn định thực hiện theo tháng đối với từng loại mặt hàng(có báo giá cụ thể kèm theo). Khi giá cả thị trường có nhiều thay đổi thì hai bên sẽ thoả thuận và điều chỉnh giá cho phù hợp. Trong trường hợp bên A



chủ động tăng giá mà chưa có sự chấp thuận của bên B, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này.

2.2. Hàng tuần bên A đối chiếu chốt số lượng và tiền hàng với bên B. Bên B sẽ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên A trong khoảng thời gian 02 ngày kể từ ngày chốt số lượng. Việc thanh toán dựa theo biên bản đối chiếu có đầy đủ xác nhận của hai bên.

### **Điều 3: Phương thức đặt hàng**

3.1. Bên B đặt hàng cho Bên A thông qua các hình thức sau:

+ Qua điện thoại và zalo số: 0379990246

3.2. Thời gian đặt hàng: Bên B gửi đơn đặt hàng dự kiến của tuần tiếp theo cho bên A vào ngày thứ 7 của tuần trước. Bên B có thể điều chỉnh số lượng đơn hàng cụ thể muộn nhất 18h trước ngày lấy hàng.

### **Điều 4: Giao hàng và vận chuyển**

4.1. Địa điểm giao hàng: Toàn bộ hàng hoá được giao nhận tại cơ sở chế biến của bên B theo quy định.

4.2. Thời gian giao hàng: Bên A giao hàng theo đúng yêu cầu đơn đặt hàng của bên B, về chất lượng, số lượng và thời gian từ 4h00 – 06h00 hàng ngày cho tất cả các ngày trong tuần (Kể cả ngày nghỉ, ngày lễ nếu Bên B yêu cầu).

4.3. Phí vận chuyển, bốc dỡ: Do bên A chịu.

### **Điều 5: Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên A**

5.1. Bên A đảm bảo xe chở giao hàng phải đúng chủng loại. Khoang chở hàng hóa, thực phẩm thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh ATTP...

5.2. Không được sử dụng bất kỳ phụ gia, hoá chất chưa đăng ký, kiểm nghiệm hoặc chưa được phép của các cơ quan chức năng để bảo quản hàng hoá.

### **Điều 6: Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên B**

6.1. Bên B thông báo chính xác ngày, giờ, và số lượng hàng hoá cần cung cấp cho bên A theo yêu cầu cụ thể của bên B.

6.2. Bên B thông báo địa điểm giao nhận hàng chính xác cho bên A.

6.3 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số tiền hàng phát sinh hàng tháng cho Bên A.

### **Điều 7. Chấm dứt hợp đồng**

7.1 Hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp như sau:

- Bên A không đủ năng lực thực hiện các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng trong 2 tháng liên tục.

- Bên B không thanh toán tiền hàng hoặc chuyển khoản chậm 07 ngày

- Hai bên nhất trí chấm dứt hợp đồng bằng văn bản.

- Khi một bên ngừng kinh doanh hoặc tuyên bố phá sản.

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng.



7.2 Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa bên A giao cho bên B có chất lượng quá kém hoặc gây ảnh hưởng đến sức khỏe (thương tật hoặc tử vong) cho con người.

- Hàng hóa bên A giao cho bên B không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, hàng có lỗi hoặc số lượng không chuẩn xác, hoặc thay vì phải bổ sung hàng đúng thì lại bổ sung hàng kém chất lượng.

- Hàng hóa bên A giao cho bên B không phù hợp với tiêu chuẩn quy định của nhà nước.

- Bên A giao hàng dưới hình thức không rõ ràng.

- Bên A căn cứ theo pháp luật buộc phải tiến hành quy trình cải tổ hoặc quyết toán lại, hoặc buộc phải phá sản dừng kinh doanh nhưng bên bán từ chối làm việc, ngừng thanh toán đối chiếu tất cả các chứng từ.

- Trong trường hợp hợp đồng này chấm dứt, bên A sẽ đối chiếu các khoản công nợ và bên B sẽ thanh toán cho bên A các khoản phải trả sau khi hoàn tất việc đối chiếu bù trừ các khoản phải thu và phải trả.

#### **Điều 8: Những điều khoản thi hành**

8.1. Hai bên cam kết cùng nhau phối hợp chặt chẽ để thực hiện đúng những thỏa thuận trong hợp đồng này; trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh thì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết; mọi sự thay đổi trong hợp đồng này phải được lập thành phụ lục và được hai bên cùng nhau ký kết xác nhận.

8.2. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa hai bên không giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ nhờ đến sự phân xử của Tòa án Kinh tế Thành phố Hà Nội; chi phí Tòa án do bên thua kiện chi trả.

#### **Điều 9: Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/05/2027, trường hợp hợp đồng hết hiệu lực nhưng 2 bên vẫn diễn ra hoạt động mua bán thì hợp đồng tiếp tục được gia hạn.

#### **ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**

*Phạm Thị Thanh*

#### **ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**

*Mai Danh Hiếu*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM  
CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

## CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment: **CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ**

Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: **0111089860**

Địa chỉ/ Address: **Cụm 8, thôn Tiên Tân, xã Ô Diên, thành phố Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **0975.395.146**

Email: .....

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:**  
*Has been found to be in compliance with food safety regulations*

*for following products:*

**1. Sản xuất đậu phụ không bao gói sẵn - sản lượng: 550kg/ngày/.**

**CHÍNH G THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: **07-08-2025**

Số cấp/ Number: **123 / 2025 /NNMT-HAN**

Có hiệu lực đến ngày **18 tháng 7 năm 2028**

*Valid until (date/month/year) 18/7/2028*

Và thay thế giấy chứng nhận số:

*and replaces The Certificate No.*

Hà Nội, ngày **18 tháng 7 năm 2025**, day/month/year



**CÔNG CHỨNG VIÊN**

*Nguyễn Văn Lâm*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Tạ Văn Tường*

Được quét bằng CamScanner

**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: 01/2025/XNTH-CBTPSHH

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT của Bộ NNPTNT;

Căn cứ Quyết định 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục Quản lý chất lượng, nông lâm sản và thủy sản v/v ban hành tài liệu tập huấn và bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

1. Tên đơn vị xác nhận: Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0111089860 cấp ngày 13/6/2025 nơi cấp: Sở Tài chính TP Hà Nội
3. Địa chỉ: Cụm 8, thôn Tiên Tân, xã Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội
4. Điện thoại: 0975.386.979

Xác nhận Công ty đã tổ chức tập huấn và xác nhận cho các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) là người quản lý và người trực tiếp sản xuất đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Hồng Hà, ngày 14 tháng 6 năm 2025

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**GIÁM ĐỐC**

*Phạm Thị Thanh*

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN  
THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP SẢN XUẤT ĐƯỢC  
XÁC NHẬN ĐÃ TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và tên	Sinh năm	CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Phạm Thị Thanh	1977	001177030113	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH
2	Trần Việt Tuyền	1998	001098009057	09/10/2023	Cục CS QLHC về TTXH
3	Hà Thị Luận	1974	001174017032	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH

Hồng Hà, ngày 14 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC

*Phạm Thị Thanh*

Được quét bằng CamScanner



(Ban hành kèm theo Thông-tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HÀ NỘI  
BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN ĐAN PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: GSKS-BYDP

**GIẤY KHÁM SỨC KHỎE**

Họ và tên (viết chữ in hoa): PHAN THỊ THANH

Giới tính: Nam  Nữ

Sinh Ngày 01 tháng 01 năm 1977 (Tuổi: 48)

Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/dịnh danh CD: 001177030113

Cấp ngày 15.14.2021 Tại Quản lý LLC và PT.XV

Chỗ ở hiện tại: Ô liên - Hà Nội

\* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân 7. Lý do khám sức khỏe: Bổ sung hồ sơ

**TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE**

**1. Tiền sử gia đình:**

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không  b) Có  ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

**2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:**

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác.	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
8	Khó thở	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
10	Bệnh thận, lọc máu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
11	Nghiện rượu, bia	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	22	Bệnh khác (ghi rõ)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

### 3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....  
*Kháng*  
 .....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....  
 .....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Người đề nghị khám sức khỏe  
(Ký và ghi rõ họ, tên)



### I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: *165* cm; - Cân nặng: *60* kg; - Chỉ số BMI: .....

- Mạch: *80* lần/phút; - Huyết áp: *110/70* mmHg

Phân loại thể lực: *D* .....

### II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	<b>Nội khoa</b>	 BSCKI Nguyễn Văn Chính
a)	Tuần hoàn	
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	



d)	Nội tiết	Bst Hieu	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	Bst Hieu	
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	Bst Hieu	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	Bst Hieu	BsCKI. Nguyễn Văn Chính
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	Bst Hieu	
	Phân loại:	I	
	- Da liễu:	Bst Hieu	
	Phân loại:	I	BsCKI. Nguyễn Văn Chính
3.	Sản phụ khoa:	Bst Hieu	
	Phân loại:	II	
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10..... Mắt trái 10/10.....			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2 M Hở lão thị			
Phân loại: II			BsCKI. Đỗ Thị Nhung
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 1.5..... m; Nói thầm 10.5..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại: I			Bs Trần Thị Hằng
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên:.....			
Hàm dưới:.....			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
Phân loại: I			BsCKI. Nguyễn Tiến Dũng

Được quét bằng CamScanner

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
<p>1. Xét nghiệm máu:</p> <p>a) Công thức máu:</p> <p>Số lượng HC: ..... 39</p> <p>Số lượng Bạch cầu: ..... 418 G/L</p> <p>Số lượng tiểu cầu: ..... 208 G/L</p> <p>b) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... 410 mmol/L CN.</p> <p>Ure: ..... Creatinin: .....</p> <p>ASAT(GOT): ..... ALAT (GPT): .....</p>	<p>Nguyễn Thị Thu</p>
<p>2. Xét nghiệm nước tiểu:</p> <p>a) Đường: ..... 18.12.14</p> <p>b) Protein: ..... Âm Tính</p> <p>c) Khác (nếu có): .....</p>	<p>Thanh</p> <p>CN: Đào Thị Khả Thảo</p>
<p>3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):</p> <p>Hồi ổn. XQ tim phổi thẳng bình thường.</p>	<p>BS. Nguyễn Bá Dũng</p>

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ..... (Bình thường)
2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

..... ngày 02 tháng 07 năm 2015

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS. CKI Vũ Thị Hằng

MAU GIẤY KHAM SUC KHUOE DUNG CHO NGUOI TU DU 16 TUOI TRU LÊN  
(Ban hành kèm theo Thông-tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

12

SỞ Y TẾ HÀ NỘI  
BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN ĐAN PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../KSK-BVĐP

GIẤY KHAM SUC KHUOE



Họ và tên (viết chữ in hoa): TRẦN VIỆT TUẤN

Giới tính: Nam  Nữ

Sinh Ngày 11 tháng 06 năm 1998 (Tuổi:.....)

Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 00109809057

Cấp ngày 09/11/2023 Tại Quản lý/UC vi TTX

Chợ, ở trên tại: Ô trên - Cầu Ngà

\* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân 7. Lý do khám sức khỏe: Đã sang hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHAM SUC KHUOE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không  b) Có  ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác.	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
8	Khó thở	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
10	Bệnh thận, lọc máu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
11	Nghiện rượu, bia	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	22	Bệnh khác (ghi rõ)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

### 3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Người đề nghị khám sức khỏe  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

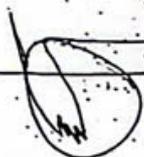
### I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 172 cm; - Cân nặng: 79 kg; - Chỉ số BMI: .....  
- Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 120 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: I



### II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa		 BSCKI Nguyễn Văn Chính
a) Tuần hoàn	<u>Bình huyết</u>	
Phân loại	<u>I</u>	
b) Hô hấp	<u>Bình huyết</u>	
Phân loại	<u>I</u>	
c) Tiêu hóa	<u>Bình huyết</u>	
Phân loại	<u>I</u>	
d) Thận-Tiết niệu	<u>Bình huyết</u>	
Phân loại	<u>I</u>	

d)	Nội tiết	BST Huệ	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	BST Huệ	
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	BST Huệ	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	BST Huệ	BSCKI. Nguyễn Văn Chính
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	BST Huệ	
	Phân loại:	I	
	- Da liễu:	BST Huệ	
	Phân loại:	I	BSCKI. Nguyễn Văn Chính
3.	Sân phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực:		Không kính: Mắt phải..... 10/10..... Mắt trái..... 10/10.....	
		Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
Các bệnh về mắt (nếu có):		BS	
Phân loại:		I	BsCKI. Đỗ Thị Nhàn
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... 15..... m; Nói thầm..... 10.15..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		BS	
Phân loại:		I	BS Trần Thị Long
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		Hàm trên: BST Huệ	
		Hàm dưới:.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BS	
Phân loại:		I	BSCKI. Nguyễn Tiến Hưng



CS Được quét bằng CamScanner

### III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
<p>1. Xét nghiệm máu:</p> <p>a) Công thức máu:</p> <p>Số lượng HC: ..... 4,0 T/L</p> <p>Số lượng Bạch cầu: ..... 4,5 G/L</p> <p>Số lượng tiểu cầu: ..... 214 G/L</p> <p>b) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... 4,9 mmol/L</p> <p>Urê: ..... Creatinin: .....</p> <p>ASAT(GOT): ..... ALAT (GPT): .....</p>	<p><i>[Signature]</i></p> <p>Nguyễn Thị Thu</p>
<p>2. Xét nghiệm nước tiểu:</p> <p>a) Đường: ..... Âm Tính</p> <p>b) Protein: ..... Âm Tính</p> <p>c) Khác (nếu có): .....</p>	<p><i>[Signature]</i></p> <p>Đào Thị Hà Thu</p>
<p>3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p><i>[Signature]</i></p> <p>BS. Nguyễn Bá Đăng</p>

### IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ..... II Loại (Uoi)
2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

..... ngày 07 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



*[Signature]*

(Ban hành kèm theo Thông-tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HÀ NỘI  
BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN ĐAN PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY KHÁM SỨC KHỎE**

Họ và tên (viết chữ in hoa): HA THI LOAN

Giới tính: Nam  Nữ

Sinh Ngày 23 tháng 09 năm 1974 (Tuổi: 51)

Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001174017032

Viện ngày 25/4/2024 Tại Quản lý LLC về TTM

Chỗ ở hiện tại: ở Diên - Hà Nội

\* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân 7. Lý do khám sức khỏe: kiểm tra sức khỏe

**TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE**

**1. Tiền sử gia đình:**

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không  b) Có  ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

**2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:**

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng nhĩ	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác.	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

7	1 tăng huyết áp	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
8	Khó thở	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
10	Bệnh thận, lọc máu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
11	Nghiện rượu, bia	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	22	Bệnh khác (ghi rõ)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

### 3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....  
 .....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....  
 .....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

### I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: ..... 160 ..... cm; - Cân nặng: ..... 72 ..... kg; - Chỉ số BMI: .....

- Mạch: ..... 80 ..... lần/phút; - Huyết áp: ..... 110 / 80 ..... mmHg

Phân loại thể lực: II

### II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa	 BSK1. Nguyễn Văn Chính
a)	Tuần hoàn	
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	





d)	Nội tiết	Bst Huý	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	Bst Huý	
	Phân loại	B	
g)	Thần kinh	Bst Huý	
	Phân loại	C	BsCKI. Nguyễn Văn Chính
h)	Tâm thần	Bst Huý	
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	Bst Huý	
	Phân loại:	I	
	- Da liễu:	Bst Huý	
	Phân loại:	B	BsCKI. Nguyễn Văn Chính
3.	Sân phụ khoa:	Bst Huý	
	Phân loại:	II	
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10. Mắt trái 10/10			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2M tật lão thị			
	Phân loại:	I	BsCKI. Đỗ Thị Nhung
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 10 m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
	Phân loại:	I	Bs Trần Thị Hòa
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: Bst Huý			
Hàm dưới:.....			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
	Phân loại:	C	BsCKI. Nguyễn Tiên Hùng

CS Được quét bằng CamScanner

### III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
<p>1. Xét nghiệm máu:</p> <p>a) Công thức máu:</p> <p>Số lượng HC: 4,8 <math>\times 10^9/L</math></p> <p>Số lượng Bạch cầu: 4,7 <math>\times 10^9/L</math></p> <p>Số lượng tiểu cầu: 214 <math>\times 10^9/L</math></p> <p>b) Sinh hóa máu: Đường máu: 4,0 mmol/L</p> <p>Urê: ..... Creatinin: .....</p> <p>ASAT(GOT): ..... ALAT (GPT): .....</p>	<p>Ph</p> <p>CN. Nguyễn Thị Thảo</p>
<p>2. Xét nghiệm nước tiểu:</p> <p>a) Đường: Âm tính</p> <p>b) Protein: Âm tính</p> <p>c) Khác (nếu có): .....</p>	<p>Thanh</p> <p>CN: Đào Thị Hà Thảo</p>
<p>3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):</p> <p>Hiện tại XQ tim phổi không thấy bất thường</p>	<p>BS. Nguyễn Bá Dũng</p>

### IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: II (loại II)

2. Các bệnh, tật (nếu có):

ngày 02 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Kính ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS. CKI Vũ Thị Hằng

**CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN  
THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ**

Số: 01/CV-CBTPSHH

V/v sử dụng kết quả xét nghiệm  
nước từ tổ chức tiền thân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:.....

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà, MST: 0111089860, đăng ký thành lập lần đầu ngày 13/6/2025, Giám đốc: bà Phạm Thị Thanh, sinh năm 1977, số CCCD: 001177030113, ngày cấp: 15/04/2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH, được thành lập trên cơ sở chuyển đổi mô hình từ Hộ kinh doanh Phạm Thị Thanh 1977, Mã số HKD: 01S8013492, Chủ hộ kinh doanh: Phạm Thị Thanh, sinh năm 1977, số CCCD: 001177030113, ngày cấp: 15/04/2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Ngày 22/8/2024, Hộ kinh doanh Phạm Thị Thanh được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia, trực thuộc Bộ Y tế cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 36770/PKN-VKNQG và các tiêu chí đều đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2025, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà đã gửi mẫu xét nghiệm nước sản xuất định kỳ (01 năm/lần) đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia và được hẹn sau **02 tuần** sẽ có kết quả.

Theo quy định của pháp luật, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà được phép sử dụng các văn bản pháp lý, phiếu kiểm nghiệm nước (đến 22/8/2025), sản phẩm từ Hộ kinh doanh tiền thân nếu còn thời hạn theo quy định.

Vi vậy, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà xin đính kèm Phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 36770/PKN-VKNQG ngày 22/8/2024 trong hồ sơ năng lực của Công ty để đảm bảo đúng tiến độ, thời hạn nộp hồ sơ mà quý đơn vị yêu cầu. Ngay khi có kết quả kiểm nghiệm mới, Chúng tôi sẽ lập tức báo cáo bổ sung theo quy định.

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà kính mong quý đơn vị tạo điều kiện để chúng tôi có thể cung cấp những sản phẩm chất lượng nhất đến người tiêu dùng.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồng Hà, ngày 03 tháng 8 năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC**

*Phạm Thị Thanh*



**BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thành Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam  
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thành Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
 Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 48414/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

- Tên mẫu: 072512583/DV.1
- Mã số mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 5 lít/chai. Số lượng: 1.  
NSX: Không có - HSD: Không có
- Mô tả mẫu: 01 mẫu
- Số lượng mẫu: Không có mẫu lưu
- Thời gian lưu mẫu: 31/07/2025
- Ngày nhận mẫu: 31/07/2025 - 15/08/2025
- Thời gian thử nghiệm: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ  
Địa chỉ: Cụm 8, Thôn Tiên Tân, Xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội  
Việt Nam
- Nơi gửi mẫu: 072512583/DV.1
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)
9.2*	E. coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG  
 PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.  
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.  
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.  
 4. (\*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.  
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is available or expired.



**BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thuận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1293B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam  
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
 Hotline: 083 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 48413/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu: Nước sản xuất  
 2. Mã số mẫu: 072512583/DV.1  
 3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 5 lít/chai. Số lượng: 1.  
 NSX: Không có - HSD: Không có  
 4. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
 5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu  
 6. Ngày nhận mẫu: 31/07/2025  
 7. Thời gian thử nghiệm: 31/07/2025 - 15/08/2025  
 8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ  
 Địa chỉ: Cụm 8, Thôn Tiên Tân, Xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội  
 Việt Nam  
 9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/L	SMEWW 2340C:2023	336
9.2*	Hàm lượng Amoni	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> (2023)	5,38
9.3*	Hàm lượng Clo dư tự do	mg/L	NIFC.03.M.33 (TCVN 6225-1:2012)	KPH (LOD: 0,10)
9.4*	Hàm lượng Mangan	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	0,29
9.5*	Hàm lượng Nitrat (Tính theo N)	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	<LOQ (LOQ: 0,23)
9.6*	Hàm lượng Nitrit (Tính theo N)	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	1,88
9.7*	Hàm lượng Sắt	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	0,033
9.8*	Hàm lượng Sunfat	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	KPH (LOD: 0,3)
9.9*	Permanganate	mg/L	NIFC.03.M.30 (Ref. TCVN 6186:1996)	1,88
9.10*	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	0,14
9.11*	Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	6,69

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.  
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.  
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.  
 4. (\*) Phương pháp thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.  
 5. Các khiếu nại liên quan đến kết quả thử nghiệm sẽ được lưu hồ sơ và không được giải quyết/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample



**BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam  
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thành Tông), Phường Dông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
 Hotline: 083 929 9595 Email: vkr@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.12*	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ
9.13*	pH	-	TCVN 6492:2011	7,67

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử  
 KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2025

**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



PGS. TS. Trần Cao Sơn

**VILAS 203**



1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.  
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.  
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.  
 4. (\*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.  
 5. Các khiếu nại về kết quả thí nghiệm sẽ được giải quyết nếu có khiếu nại trong thời hạn quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is not available for re-testing.





BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thuận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 083 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn



Số: 36536/

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Đậu phụ  
2. Mã số mẫu: 062510563/DV.1  
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong hộp nhựa có nắp đậy 01 kg/hộp. Số lượng: 1.  
NSX: 27/6/2025 - HSD: 4 ngày từ ngày sản xuất.  
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu  
6. Ngày nhận mẫu: 27/06/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 27/06/2025 - 04/07/2025  
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ  
Địa chỉ: Cụm 8, Thôn Tiên Tân, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>B. cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10)
9.2*	<i>C. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1)
9.3*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1)
9.4*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.5*	Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase	CFU/g	ISO 6888-1:2021	KPH (LOD: 10)
9.6*	Tổng số Nấm men - nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	9,0 x 10 <sup>1</sup>
9.7*	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	1,6 x 10 <sup>4</sup>
9.8	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Nguyên cái, mềm, mịn, màu trắng ngà, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.9*	Độ ẩm	g/100g	NIFC.02.M.02	82,8
9.10*	Hàm lượng Protein	g/100g	NIFC.02.M.03	9,48

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

PGS. TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Trang 1/1





Số: 36770/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu: Nước sạch  
2. Mã số mẫu: 08249457/DV.1  
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 5 lít/chai. Số lượng: 1.  
NSX: Không có - HSD: Không có  
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu  
6. Ngày nhận mẫu: 15/08/2024  
7. Thời gian thử nghiệm: 15/08/2024 - 22/08/2024  
8. Nơi gửi mẫu: **HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ THANH 1977**  
Địa chỉ: Thửa đất số 549, Tờ bản đồ số 04, Cụm 8, Thôn Tiên Tân,  
Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)
9.2*	<i>E. coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)
9.3*	Chỉ số Permanganate	mg/L	NIFC.03.M.30 (Ref. TCVN 6186:1996)	KPH (LOD: 0,15)
9.4*	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/L	SMEWW 2340C:2023	< LOQ (LOQ: 15)
9.5*	Hàm lượng Amoni	mg/L	SMEWW 4500:NH <sub>3</sub> (2023)	0,18
9.6*	Hàm lượng Clo dư tự do	mg/L	NIFC.03.M.33 (TCVN 6225-1:2012)	KPH (LOD: 0,10)
9.7*	Hàm lượng Mangan	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003)
9.8*	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	KPH (LOD: 0,1)
9.9*	Hàm lượng Nitrit (tính theo N)	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,001)
9.10*	Hàm lượng Sắt	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0015)
9.11*	Hàm lượng Sunfat	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	KPH (LOD: 0,3)

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2 Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3 Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4 (\*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025. Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5 Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be received in case the storage sample is unavailable or out of storage time



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

*Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*  
*VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Công Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam*  
*VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam*  
*Hotline: 085 929 9393 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn*

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.12*	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	0,17
9.13*	Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	1,27
9.14*	Mùi, vị	-	SMEWW 2150B:2023, SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ
9.15*	pH	-	TCVN 6492:2011	7,84

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2024

**KT. VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

TS. Trần Cao Sơn



1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3 Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4 (\*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5 Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA **BẢN SAO**

Số: HONGHA-CBTPS/HĐMB/01

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 06 năm 2025, tại địa điểm Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội....., chúng tôi gồm có:

**BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÀU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU HỒNG HÀ**

Đại diện : Ông Nguyễn Đông Khánh  
Chức vụ : Giám đốc  
Địa chỉ : BT1-20 Khu đô thị Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại : 0399712812  
Mã số thuế : 0110870888  
Tài khoản : 88870888 Tại ngân hàng Tcchcombank

(Dưới đây gọi tắt là bên A)

**BÊN MUA: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ**

Đại diện : bà Phạm Thị Thanh Chức vụ: Giám Đốc  
Địa chỉ : Cụm 8, thôn Tiên Tân, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại : 0975 386 979  
Mã số thuế : 0111089860  
Tài khoản :

(Dưới đây gọi tắt là bên B)

Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng mua bán hạt đậu tương với các điều khoản như sau.

### Điều 1. Hàng hóa.

Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua hạt đậu tương với số lượng tạm tính là: 1.000.000 kg

### Điều 2. Giá trị hợp đồng.

Đơn giá mặt hàng trên được xác định theo giá của hạt đậu tương trên thị trường trong nước tại từng thời điểm giao nhận hàng cụ thể thông qua báo giá, đơn đặt hàng có xác nhận của hai bên. Đơn giá được gửi qua email, điện thoại, zalo, tin nhắn, fax có giá trị như bản gốc.

Được quét bằng CamScanner



Khối lượng hàng hóa được xác định tại từng thời điểm giao hàng cụ thể và được xác định bằng khối lượng ghi trên Packinglist do bên A cung cấp cho bên B hoặc được xác định bằng cân điện tử tại thời điểm giao hàng.

Giá trị từng lô hàng được xác định bằng khối lượng hàng hóa được giao thực tế nhân với đơn giá tại thời điểm giao nhận hàng.

### Điều 3. Thời hạn hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày ...30... / ...12... / ...2025.....

### Điều 4. Thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận

- Hàng giao nguyên container tại một trong các cảng thuộc thành phố Hải Phòng hoặc giao bằng bao tại kho của bên A hoặc giao tại kho của bên B trên phương tiện vận tải của bên A hoặc bên B hoặc do một trong hai bên thuê của bên thứ ba.

- Thời gian giao hàng sẽ do hai bên chủ động thông báo qua điện thoại, zalo.

- Trường hợp hàng được giao tại cảng thì bên B có trách nhiệm bảo quản và chịu các chi phí liên quan đối với hàng hóa sau khi nhận bàn giao từ bên A.

- Trường hợp hàng giao tại kho của bên B thì chi phí bốc xếp hàng hóa xuống kho của bên B do bên B chịu. Xe chờ hàng của bên A đến kho của bên B mà bên B không bố trí nhân sự để xuống hàng kịp trong ngày phát sinh phí lưu ca xe thì phí lưu ca xe sẽ bên B chi trả với số tiền do hai bên thỏa thuận.

- Kết thúc việc giao nhận hàng hai bên tiến hành ký kết biên bản giao nhận hàng hóa (biên bản giao từng lần hoặc biên bản giao tổng hợp các đợt).

### Điều 5. Phương thức thanh toán

- Thời gian thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A giá trị các lô hàng trong thời gian tối đa không quá 60 ngày kể từ khi hai bên kết thúc đợt giao nhận hàng. Quá thời gian nói trên bên B sẽ phải chịu lãi suất trả chậm là 0,01%/ngày đối với số tiền trả chậm nhưng thời gian trả chậm không quá 30 ngày tiếp theo.

- Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

### Điều 6. Trách nhiệm cụ thể của mỗi bên

#### • Trách nhiệm của bên A:

- Thông báo cụ thể cho bên B thời gian giao hàng, thời gian lưu cont, lưu bãi của lô hàng bằng điện thoại, zalo hoặc fax để bên B chủ động thời gian nhận hàng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình giao nhận hàng.

- Cử cán bộ có trách nhiệm tham gia quá trình giao nhận hàng.

- Bàn giao cho bên B các giấy tờ liên quan (packing list, biên bản giao nhận, báo giá, xác nhận đơn hàng, giấy xác nhận liên quan kiểm dịch và ATTP...).

- Cung cấp hoá đơn GTGT cho bên B.

- Chịu mọi khoản chi phí phát sinh liên quan như chi phí vận chuyển (nếu có),...

#### • Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện nhận hàng theo đúng lịch trình giao nhận hàng do bên A thông báo.

- Trong suốt quá trình giao nhận và vận chuyển hàng nếu có tai nạn lao động về người, hoặc gây tai nạn cho người khác, hay làm hư hỏng thiết bị tài sản của bên A do lỗi của bên B thì bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

- Thanh toán đầy đủ, kịp thời cho bên A theo đúng quy định tại điều 4 của hợp đồng này.



Được quét bằng CamScanner

59860  
ÔNG T  
TNHH  
CHẾ BI  
SỐ PHÂN  
HỒNG  
NH PH

03

PH  
CH  
MI

03

CS

**Điều 7. Trách nhiệm vật chất và các cam kết chung trong việc thực hiện hợp đồng**

- Trường hợp bên B không thực hiện theo đúng lịch giao nhận hàng dẫn đến phát sinh chi phí lưu ca xe thì phải thanh toán phí lưu ca phát sinh.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc thay đổi liên quan tới hợp đồng phải được 2 bên trao đổi và đồng ý bằng văn bản, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng.

- Trong trường hợp 2 bên không tự bàn bạc, thoả thuận với nhau được thì sẽ đưa ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng, mọi chi phí liên quan sẽ do bên có lỗi chịu.

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày hai bên ký kết. Mọi điều sửa đổi, bổ sung hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được cả hai bên đồng ý bằng văn bản. Các điều khoản và các điều kiện khác chưa ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế. Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng các bên thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ với nhau mà không phát sinh trở ngại gì và không tiến hành ký kết biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có) sau cùng được tự động gia hạn.

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng này. Bên nào vi phạm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước bên kia và trước Pháp luật.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**CHỨNG THỰC BẢN SẠO DỰNG NỘI BÀN CHÍNH**  
Ngày: 07-08-2023  
Số chứng thực: 3238 Quyền số: SCT/BS 01



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Đông Khánh*



GIÁM ĐỐC  
*Phạm Thị Thanh*



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Văn Sơn*

